

Chuyện ít biết về câu thành ngữ “màn trời chiếu đất”

Bùi Quý Chiến

Chúng ta thường dùng thành ngữ “màn trời chiếu đất” để chỉ cảnh ngộ của người nghèo không nhà hoặc người có nhà nhưng bị hủy hoại vì hỏa hoạn hoặc thiên tai.

Thật ra câu này xuất xứ từ thành ngữ Hán tự “**mạc thiên tịch địa**”. Tuy nghĩa đen của “mạc” là màn và “tịch” là chiếu nhưng nghĩa bóng của chúng rất khác.

Trong Hán Việt từ điển của Đào duy Anh giải nghĩa:

“Mạc thiên tịch địa: Màn trời chiếu đất – Cao rộng.”

Như vậy nghĩa bóng của câu này là: Bầu trời cao là màn, mặt đất rộng là chiếu.

Ngữ pháp của Hán tự có điểm giống tiếng Anh: từ bổ nghĩa (modifier) đứng trước danh từ; thí dụ: trà thất – tea house.

Do đó mạc bổ nghĩa cho thiên, tịch bổ nghĩa cho địa (trời là màn, đất là chiếu). Điều này khác với cảnh ngộ của người không nhà: “Màn là trời, chiếu là đất”.



Trời là bầu trời cao vô tận. Đất là mặt phẳng không cùng (người xưa chưa biết đất là quả cầu). Học giả Đào Duy Anh cho mặc thiên tịch địa có nghĩa bóng là cao rộng, tất có tham khảo tài liệu nào đó chứ không phải quan điểm của riêng ông.

Có điều **mặc thiên tịch địa** lẽ ra được dịch là trời màn đất chiếu (trời là màn, đất là chiếu) nhưng thành ngữ màn trời chiếu đất đã có trước khi làm tự điển nên học giả dùng thành ngữ sẵn có này để dịch mặc thiên tịch địa. Tuy nhiên học giả ghi thêm nghĩa bóng là cao rộng.

Người xưa thường mượn thiên nhiên để diễn tả tư tưởng. Kẻ trượng phu coi bầu trời cao là màn và mặt đất rộng là chiếu. Trời cao đất rộng là nơi vẫy vùng ngang dọc của kẻ trượng phu.

Cùng một ý, Nguyễn Công Trứ có câu: “Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc”.

Sau đây là toàn văn bài hát nói của cụ:

Chí làm trai

Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả trả vay (1)
Chí làm trai nam bắc đông tây
Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể
Nhân sinh tự cổ thùy vô tử (2)
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh (3)
Đã hăn rằng ai nhục ai vinh
Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngộ (4)
Cũng có lúc mưa dòn sóng vỗ
Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong
Chí những toan xẻ núi lấp sông
Làm nên tiếng phi thường đâu đấy tỏ
Đường mây rộng thênh thang cử bộ (5)
Nợ tang bồng tay trắng vỗ tay reo
Thảnh thơi thơ túi rượu bầu.

Bài hát nói có văn phong như lời tuyên bố: “Làm trai phải có chí khí vẫy vùng ngang dọc. Đó là món nợ tang bồng phải trả. Trả nợ xong sẽ hưởng an nhàn.”

Câu “Đã hăn rằng ai nhục ai vinh”, tác giả muốn nói tới hoạn lộ khi nhục khi vinh của mình.

Nguyễn Công Trứ làm quan từ chức thấp nhất là Hành tẩu sứ quán tới chức cao nhất là Binh bộ thượng thư. Cụ bị cách chức 2 lần và 1 lần bị giáng xuống làm lính thú ở Quảng Ngãi.

Cụ là người văn võ kiêm toàn. Ngoài ra cụ còn có tài kinh tế. Cụ đưa dân về vùng đất bồi ở bờ biển để khẩn hoang lập ấp, sau này thành huyện Tiền hải (Thái bình) và huyện Kim sơn (Ninh bình).

Một nhân vật lịch sử khác là Đặng Dung cũng có chí khí của kẻ trượng phu nhưng thất bại vì không gặp thời.

Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần. Lấy cớ khôi phục nhà Trần, nhà Minh cho quân sang diệt họ Hồ nhưng thật sự chiếm đóng và cai trị nước ta.

Chống lại giặc Minh, con thứ của Trần Nghệ tông là Giản Định Vương tự xưng làm vua và được cựu thần nhà Trần là Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân theo về phò tá.

Khi ra trận, Giản Định đích thân đánh trống thúc quân khiến tướng sĩ nức lòng. Tướng nhà Minh là Lữ Nghi bị chém chết tại trận, tướng Mộc Thạnh phải chạy về cố thủ thành Cổ Động.

Đang thắng thế, vua tôi bắt hòa và nghị ky lẫn nhau. Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân bị Giản Định giết. Con của Đặng Tất là Đặng Dung và con của Nguyễn Cảnh Chân là Cảnh Dị bắt khẩn đem quân về Thanh Hóa tôn cháu vua Nghệ tông là Trần Quý Khoách lên làm vua.

Bấy giờ Giản Định đang ở thành Ngự thiên, Quý Khoách cho người ra đón về Nghệ an tôn làm Thái thượng hoàng để cùng lo chống giặc Minh.

Nhà Minh cử Trương Phụ đem quân sang tăng cường cho Mộc Thạnh. Trận đánh ở Mỹ lương, Giản Định bị Trương Phụ bắt giải về Kim lăng.

Trong 3 năm Quý Khoách chống cự với giặc khi tiến khi lui. Tháng 9 năm 1413, Trương Phụ vào tới Thuận hóa. Nửa đêm Đặng Dung và Nguyễn Sứ đem quân lên vào trại giặc, Đặng Dung nhảy xuống thuyền Trương Phụ toan bắt sống nhưng do ông không biết mặt nên Trương Phụ nhảy xuống sông dùng thuyền nhỏ thoát được. Vì quân số ít, Đặng Dung bị Trương Phụ phản công phải rút lui.

Cuối cùng Trần Quý Khoách cùng Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị và Nguyễn Sứ đều bị Trương Phụ bắt giải về Yên Kinh. Quý Khoách nhảy xuống biển tự tử. Các tướng Đặng Dung, Cảnh Dị và Nguyễn Sứ cũng tuần tiết.

Khi thất thế, Đặng Dung làm thơ cảm hoài bằng chữ Hán như sau:

Thế sự du du nại lão hà
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca
Thời lai đồ điều thành công dị
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa
Trí chủ hữu hoài phù địa trục
Tảo binh vô lộ vãn thiên hà
Quốc thù vị báo đầu tiên bạch
Kỷ độ Long Tuyền đới nguyệt ma.

Phan Kế Bính dịch:

Việc đời bồi rối tuổi già vay
Trời đất vô cùng một cuộc say
Bàn tiền gặp thời lên cũng dễ
Anh hùng lỡ bước ngẫm càng cay
Vai mang trái đất mong thờ chúa
Giáp gột sông trời khó vạch mây
Thù trả chưa xong đầu đã bạc
Gươm mài bóng nguyệt biết bao rày.

Vì tác giả dịch thành thơ nên khó sát nghĩa, tuy vậy không xa ý chính.

Lịch sử nước ta không ít bậc trượng phu hiển hách hơn Nguyễn Công Trứ và Đặng Dung. Nhưng vì hai nhân vật trên đây có bài thơ bày tỏ khí phách giúp diễn giải thành ngữ mặc thiên tịch địa nên chúng tôi đưa ra như dẫn chứng.

Ở thôn quê, trai làng cũng có chí khí tuy không trời cao đất rộng nhưng cũng:

Làm trai cho đáng nên trai
Xuống đông đông tĩnh, lên đòi đòi tan.

Chỉ có kẻ nông cạn nhưng ngạo mạn được ví như: Éch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung.

Bùi Quý Chiến

Đăng lại từ trang Đặc San Lâm Viên (dslamvien.com)